Chi tiết mã HS 6809.19.90

Mã HS	6809.19.90
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm làm bằng thạch cao hoặc bằng các hỗn hợp có thành phần cơ bản là thạch cao / - Tấm, lá, panel, tấm lát (tiles) và các sản phẩm tương tự, chưa được trang trí: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	02/11/2026 20:33:09
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/68091990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	45	45%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K10201
Thuế NK ưu đãi (MFN)	30	30%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N10201
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q10201
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	17.1	17,1%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E9700
ATIGA	2022	2022	0	AT!E9651
ATIGA	2023	2023	0	AT!F9651
ATIGA	2024	2024	0	AT!G9651
ATIGA	2025	2025	0	AT!H9651
ATIGA	2026	2026	0	AT!I9651
ATIGA	2027	2027	0	AT!J9651
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E9703
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F9703

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G9703
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H9703
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I9703
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J9703
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	4	VJ!E9704
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2	VJ!F9704
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G9704
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H9704
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I9704
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J9704
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F9705
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H9657
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F9663
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G9663
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H9663
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I9663
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J9663
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K9663
VKFTA	2022	2022	0	VK!E9688
VKFTA	2023	2023	0	VK!F9688
VKFTA	2024	2024	0	VK!G9688
VKFTA	2025	2025	0	VK!H9688
VKFTA	2026	2026	0	VK!I9688
VKFTA	2027	2027	0	VK!J9688
VCFTA	2022	2022	11	VC!D9735
VCFTA	2023	2023	9	VC!E9735

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	6	VC!F9735
VCFTA	2025	2025	4	VC!G9735
VCFTA	2026	2026	2	VC!H9735
VCFTA	2027	2027	0	VC!I9735
VN-EAEU	2022	2022	8,2	EAV!D9714
VN-EAEU	2023	2023	5,5	EAV!E9714
VN-EAEU	2024	2024	2,7	EAV!F9714
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G9714
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H9714
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I9714
AHKFTA	2022	2022	18	AKH!D9726
AHKFTA	2023	2023	12	AKH!E9726
AHKFTA	2024	2024	12	AKH!F9726
AHKFTA	2025	2025	6	AKH!G9726
AHKFTA	2026	2026	6	AKH!H9726
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I9726
EVFTA	2022	2022	15	EV-NK!D9737
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E9737
EVFTA	2024	2024	5	EV-NK!F9737
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G9737
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H9737
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I9737
UKVFTA	2022	2022	15	UKV!D9736
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E9736
UKVFTA	2024	2024	5	UKV!F9736
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G9736

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H9736
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I9736
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D9683
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E9683
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F9683
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G9683
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H9683
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I9683
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J9683
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D9720
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E9720
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F9720
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G9720
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H9720
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I9720
RCEP B	2022	2022	0	B!D9720
RCEP B	2023	2023	0	B!E9720
RCEP B	2024	2024	0	B!F9720
RCEP B	2025	2025	0	B!G9720
RCEP B	2026	2026	0	B!H9720
RCEP B	2027	2027	0	B!I9720
RCEP C	2022	2022	0	C!D9720
RCEP C	2023	2023	0	C!E9720
RCEP C	2024	2024	0	C!F9720
RCEP C	2025	2025	0	C!G9720
RCEP C	2026	2026	0	C!H9720

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I9720
RCEP D	2022	2022	0	D!D9719
RCEP D	2023	2023	0	D!E9719
RCEP D	2024	2024	0	D!F9719
RCEP D	2025	2025	0	D!G9719
RCEP D	2026	2026	0	D!H9719
RCEP D	2027	2027	0	D!I9719
RCEP E	2022	2022	0	E!D9723
RCEP E	2023	2023	0	E!E9723
RCEP E	2024	2024	0	E!F9723
RCEP E	2025	2025	0	E!G9723
RCEP E	2026	2026	0	E!H9723
RCEP E	2027	2027	0	E!I9723
RCEP F	2022	2022	0	F!D9720
RCEP F	2023	2023	0	F!E9720
RCEP F	2024	2024	0	F!F9720
RCEP F	2025	2025	0	F!G9720
RCEP F	2026	2026	0	F!H9720
RCEP F	2027	2027	0	F!I9720
VIFTA	2024	2024	25.7	VI!F8991
VIFTA	2025	2025	21.4	VI!G8991
VIFTA	2026	2026	17.1	VI!H8991
VIFTA	2027	2027	12.9	VI!I8991

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: SPHH VLXD nhóm 2 (10/2024/TT-BXD) KTCL sau TQ		10/2024/TT-BXD	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 6809.19 có 2 dòng thuế; dòng 6809.19.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	6809.19.10 Tấm lát (tiles)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 6809.19.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 30% của mã 6809.19.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N10201), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH VLXD nhóm 2 (10/2024/TT-BXD) KTCL sau TQ

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.